TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ

Biểu 01/KQ-SR

SỐ LƯỢNG CƠ SỞ, LAO ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ PHI NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN THỜI ĐIỂM 01/10/2019 TỈNH PHÚ THỌ

STT	Tên chỉ tiêu	Mã ngành	Số cơ sở	Lao động (người)	
				Tổng số	Trong đó: Nữ
	Toàn tỉnh		**65.303**	**114.143**	**48.380**
	Chia theo ngành kinh tế:				
1	Khai khoáng	B	31	81	11
2	Công nghiệp chế biến, chế tạo	C	16.216	28.279	10.550
3	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	D	7	10	3
4	Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	E	2	14	5
5	Xây dựng	F	2.621	21.918	4.320
6	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	G	30.723	40.574	23.167
7	Vận tải kho bãi	H	4.431	5.706	336
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	I	5.731	9.730	6.453
9	Thông tin và truyền thông	J	229	333	118
10	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	K	89	118	32
11	Hoạt động kinh doanh bất động sản	L	444	455	209
12	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	M	310	452	172
13	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	N	873	1.566	749
14	Giáo dục và đào tạo	P	10	24	15
15	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	Q	232	601	299
16	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	R	281	537	302
17	Hoạt động dịch vụ khác	S	3.073	3.745	1.639

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH PHÚ THỌ

Biểu 02/KQ-SR

SỐ LƯỢNG CƠ SỞ, LAO ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CÁ THỂ PHI NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN THỜI ĐIỂM 01/10/2019 PHÂN THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

STT	Đơn vị hành chính	Mã huyện	Số cơ sở	Lao động (người)	
				Tổng số	Trong đó: Nữ
	Toàn tỉnh		**65.303**	**114.143**	**48.380**
1	Thành phố Việt Trì	227	9.254	14.483	7.185
2	Thị xã Phú Thọ	228	4.331	7.361	3.438
3	Huyện Đoan Hùng	230	5.705	10.561	3.933
4	Huyện Hạ Hoà	231	3.862	7.488	2.867
5	Huyện Thanh Ba	232	5.957	10.085	3.806
6	Huyện Phù Ninh	233	5.227	7.657	3.092
7	Huyện Yên Lập	234	3.413	6.811	2.525
8	Huyện Cẩm Khê	235	5.966	10.113	4.424
9	Huyện Tam Nông	236	4.015	9.222	3.882
10	Huyện Lâm Thao	237	6.342	10.174	4.553
11	Huyện Thanh Sơn	238	3.951	7.115	2.854
12	Huyện Thanh Thuỷ	239	4.591	8.916	4.088
13	Huyện Tân Sơn	240	2.689	4.157	1.733